

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011-2020 và đề xuất định hướng quản lý chất thải trong cơ sở y tế giai đoạn tiếp theo

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 15/11/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2038/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án 2038). Trong đó giao Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ của Đề án, đồng thời tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án 2038, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đến nay, Đề án 2038 đã kết thúc giai đoạn năm 2011-2020. Bộ Y tế đã có văn bản đề nghị UBND các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành liên quan và các đơn vị trực thuộc báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án giai đoạn năm 2011-2020. Trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của các địa phương, đơn vị, Bộ Y tế đã xây dựng Báo cáo tổng hợp về kết quả thực hiện Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011-2020 gồm các nội dung sau:

I. TỔNG QUAN VỀ NGUỒN THẢI VÀ TÌNH HÌNH PHÁT SINH CHẤT THẢI Y TẾ

Theo thống kê báo cáo, tính đến hết năm 2016, cả nước có 26.283 cơ sở y tế, trong đó có 13.568 cơ sở y tế công lập: cơ sở y tế tuyến trung ương 73 (bệnh viện: 42, cơ sở khác: 31), cơ sở y tế tuyến tỉnh: 838 cơ sở (bệnh viện: 428, cơ sở dự phòng: 410), cơ sở tuyến huyện: 1.219 (bệnh viện: 570; trung tâm y tế huyện: 649), trạm y tế xã: 11.131; 12.715 cơ sở y tế tư nhân (bệnh viện: 167, phòng khám tư nhân: 12.648).

Tổng lượng chất thải rắn y tế phát sinh năm 2019 khoảng 617 tấn/ngày.

Tổng lượng chất thải rắn y tế được xử lý năm 2019:

- Chất thải y tế thông thường được xử lý khoảng 200.482 tấn/năm, trong đó chủ yếu được thu gom, xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh.

- Chất thải lây nhiễm được xử lý là 29.221 tấn/năm, trong đó hầu hết được thu gom và xử lý bằng phương pháp thiêu đốt, vi sóng hoặc thuê xử lý. Tuy nhiên vẫn còn một số cơ sở y tế còn áp dụng phương pháp chôn lấp không hợp vệ sinh với lượng chất thải lây nhiễm khoảng 150 tấn/năm.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm được xử lý là 2.039 tấn/năm, ngoài ra còn khoảng 997 tấn/năm phải lưu giữ tại cơ sở y tế do không tìm được đơn vị xử lý phù hợp

Tổng lượng nước thải y tế phát sinh năm 2019: Căn cứ lượng nước phát sinh trung bình theo các tuyến, ước tính tổng lượng nước thải y tế phát sinh tại các cơ sở y tế là 628.990 m³/ngày đêm. Trong đó, lượng nước thải y tế được xử lý đạt khoảng 469.409 m³/ngày đêm.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 2038

2.1. Công tác quản lý, chỉ đạo và ban hành cơ chế chính sách

Chủ trì, phối hợp xây dựng và trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản sau:

- Đề xuất các quy định chi tiết về quản lý chất thải y tế vào Luật Bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

- Bổ sung, chỉnh sửa các quy định chi tiết về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế vào Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quyết định 170/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025” và 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng liên tỉnh (Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 14/10/2016 phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2030) và vùng lưu vực sông (lưu vực Sông Cầu tại Quyết định số 2211/QĐ-TTg ngày 14/11/2013, lưu vực sông Đồng Nai tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 và lưu vực sông Nhuệ - Đáy tại Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 12/02/2015).

- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế

- Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế hướng dẫn chi tiết thi hành Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (thay thế Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT).

- Thông tư số 31/2013/TT-BYT ngày 15/10/2013 của Bộ Y tế quy định về quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của bệnh

viện để tăng cường giám sát môi trường tại các cơ sở y tế (đã hết hiệu lực từ 15/11/2018 theo Thông tư số 25/2018/TT-BYT ngày 28/9/2018 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành).

- Thông tư liên tịch số 48/2014/TTLT-BYT-BTNMT ngày 22/12/2014 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với cơ sở y tế nhằm tăng cường sự chỉ đạo, phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Y tế và Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cơ sở y tế (đã hết hiệu lực từ ngày Luật bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, hiện Bộ Y tế đang đưa vào danh sách các văn bản đề nghị hết hiệu lực).

- Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong đó xác định rõ Sở Y tế là đơn vị chủ trì thực hiện công tác quản lý chất thải y tế ở địa phương (nay là Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phòng y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

- QCVN 02:2012-BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế và QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm.

- Xây dựng dự thảo các quy chuẩn sửa đổi bổ sung QCVN 02:2012-BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế; QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm; QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

- Chỉ thị về giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành y tế (Chỉ thị số 08/CT-BYT ngày 29/7/2019 của Bộ Y tế).

- Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý chất thải y tế trong bệnh viện (Chỉ thị số 05/CT-BYT ngày 06/7/2015 của Bộ Y tế).

- Kế hoạch truyền thông về quản lý chất thải y tế giai đoạn 2017-2021 của Bộ Y tế và hướng dẫn triển khai thực hiện trên toàn quốc (tại Quyết định số 1119/QĐ-BYT).

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế, giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định 4290/QĐ-BYT ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

2.2. Kiện toàn hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và nâng cao năng lực của các đơn vị thực hiện công tác quản lý môi trường y tế từ trung ương đến địa phương

Trình ban hành Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế trong đó xác định rõ Cục quản lý môi trường y tế là đơn vị chủ trì thực hiện công tác quản lý chất thải y tế.

Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020) và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020). Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Y tế; Ủy ban nhân dân cấp huyện đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Y tế hoặc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (nơi không tổ chức riêng Phòng Y tế).

Phối hợp ban hành Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý chất thải y tế, trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các cấp, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường. Đặc biệt quy định trách nhiệm của cơ sở y tế phải phân công 01 lãnh đạo đơn vị và 01 khoa, phòng, bộ phận/cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm chính về quản lý chất thải y tế của cơ sở y tế.

- Các địa phương đã lồng ghép việc triển khai các nhiệm vụ quản lý chất thải y tế vào chiến lược, quy hoạch phát triển của địa phương. 100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trên cơ sở sát nhập các cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng tuyến tỉnh.

- Ban hành tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về quản lý chất thải y tế nhằm giúp các cơ sở y tế quản lý tốt chất thải y tế

- Ban hành các Khung chương trình và Tài liệu đào tạo liên tục về quản lý chất thải y tế và đã đào tạo gần 6.000 cán bộ chủ chốt liên quan đến quản lý chất thải y tế của các Sở Y tế, các cơ sở y tế trên toàn quốc.

- Xây dựng chương trình và giáo trình đào tạo về quản lý chất thải y tế và áp dụng giảng dạy chính quy tại trường đại học ngành Y; đào tạo hơn 300 giảng viên trung ương và tuyến tỉnh về quản lý chất thải y tế.

3. Đầu tư, tài chính

Trên cơ sở báo cáo tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án 2038 giai đoạn 2011-2020 cho thấy các tỉnh, thành phố đã ưu tiên bố trí kinh phí để đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh nguồn ngân sách còn hạn hẹp và nhu cầu đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế còn quá lớn do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, kinh phí bố trí thực hiện Đề án 2038 trong giai đoạn 2011-2019 như sau:

- Bố trí kinh phí từ nguồn chi sự nghiệp môi trường của Bộ Y tế: 42.630 triệu đồng để triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý chất thải y tế.

- Bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện vay vốn Ngân hàng Thế giới giai đoạn 2011-2019: Tổng mức đầu tư là 3.022,5 tỷ đồng (trong đó: vốn trong nước là 97,5 tỷ đồng, vốn ngoài nước là 2,925 tỷ đồng). Đến hết năm 2015, lũy kế vốn bố trí cho Dự án là 416,6 tỷ đồng (trong đó: vốn trong nước là 9 tỷ đồng, vốn ngoài nước cấp phát từ ngân sách trung ương là 407,6 tỷ đồng). Dự án này bên cạnh hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng chính sách và tăng cường năng lực thực thi chính sách về quản lý chất thải y tế, còn dành phần lớn kinh phí (khoảng 134 triệu đô la Mỹ để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế cho hơn 200 bệnh viện trên toàn quốc.

- Bố trí kinh phí để đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho các cơ sở y tế trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài ra, các dự án đầu tư xây dựng các bệnh viện cũng có hạng mục xử lý chất thải.

2.4. Kết quả thực hiện về khoa học và công nghệ

- Phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường y tế (QCVN 02:2012/BTNMT, QCVN 55:2013/BTNMT, QCVN 03:2019/BYT).

- Xây dựng 02 chương trình nghiên cứu khoa học: Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng”, trong đó có nội dung nghiên cứu các giải pháp và quy trình kỹ thuật để dự phòng có hiệu quả các bệnh mới phát sinh, bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi, bệnh do yếu tố môi trường và Chương trình “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai”, trong đó có nội dung nghiên cứu công nghệ, vật liệu, chế phẩm mới, tiên tiến để xử lý ô nhiễm môi trường.

- Ban hành tài liệu Hướng dẫn áp dụng công nghệ xử lý nước thải y tế và Hướng dẫn áp dụng công nghệ không đốt thân thiện môi trường để xử lý chất thải rắn y tế, nhằm giúp các cơ sở y tế quản lý tốt chất thải y tế và lựa chọn công nghệ xử lý chất thải phù hợp với khả năng tài chính của cơ sở y tế và đảm bảo quy chuẩn quốc gia về môi trường.

- Về mô hình/hình thức xử lý chất thải y tế

* Đối với xử lý chất thải rắn y tế: có 3 hình thức xử lý chất thải rắn y tế hiện đang được áp dụng, gồm:

(i) Xử lý tập trung: Tại các thành phố, các khu đô thị lớn hoặc những nơi sẵn có các doanh nghiệp xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế cùng các loại chất thải rắn nguy hại khác được thu gom và tập trung lại để xử lý tại một nhà máy hoặc một cơ sở xử lý có đủ điều kiện đảm bảo xử lý một cách triệt để không gây ô nhiễm môi trường. Đây là những mô hình đang phát huy hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư, vận hành.

(ii) Xử lý theo cụm: Một cơ sở y tế ở trung tâm cụm thực hiện thu gom và xử lý chất thải y tế cho một số cơ sở y tế lân cận xung quanh. Hình thức này hiện đang được áp dụng khá phổ biến tại các tỉnh, đặc biệt phù hợp cho việc xử lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế quy mô nhỏ và có khoảng cách gần nhau.

(iii) Xử lý tại chỗ: Đối với những nơi chưa có cơ sở xử lý tập trung hoặc xử lý theo cụm hoặc tại các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn hiện đang áp dụng hình thức xử lý chất thải y tế tại chỗ bằng các phương pháp phù hợp với điều kiện của cơ sở.

* Đối với xử lý nước thải y tế: Có 2 hình thức xử lý nước thải y tế, gồm:

(i) Xử lý tại chỗ: Đây là hình thức xử lý nước thải y tế chủ yếu tại hầu hết các cơ sở y tế. Nước thải y tế được thu gom và xử lý tại cơ sở y tế bằng công trình/hệ thống xử lý nước thải y tế, bảo đảm xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải.

(ii) Xử lý theo cụm: Hình thức này rất ít được áp dụng, chỉ áp dụng đối với một số cơ sở y tế được xây dựng liền kề nhau. Nước thải y tế phát sinh từ các cơ sở y tế này được thu gom và xử lý tập trung bằng công trình xử lý nước thải y tế của một cơ sở y tế trong cụm, bảo đảm xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải.

- Xây dựng thí điểm các mô hình xử lý chất thải y tế phù hợp với cơ sở y tế quy mô phát thải nhỏ; Mô hình áp dụng công nghệ không đốt thân thiện với môi trường để xử lý chất thải rắn y tế; Mô hình quản lý, tái chế chất thải y tế; Mô hình cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp.

2.5. Kết quả thực hiện về truyền thông

- Ban hành Kế hoạch truyền thông về quản lý chất thải y tế của Bộ Y tế giai đoạn 2017-2021.

- Xây dựng các tài liệu truyền thông phát tới các cơ sở y tế;

- Thực hiện truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức, sự ủng hộ và chung tay của các cấp chính quyền, cơ quan truyền thông và cộng đồng, người bệnh để bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường cơ sở y tế và khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia.

2.6. Kết quả thực hiện các dự án ưu tiên

Tại Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ giao triển khai 04 dự án ưu tiên gồm: (i) Dự án Đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế công lập bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường do Bộ Y tế và UBND tỉnh chủ trì thực hiện; (ii) Đề án Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại do Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện; (iii) Dự án Tăng cường năng lực của các cơ quan chuyên môn của ngành Y tế về quan trắc môi trường và đánh giá tác động của môi trường đến sức khỏe do Bộ Y tế chủ trì thực hiện; (iv) Đề án Nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường ứng dụng và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải y tế tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện. Kết quả triển khai cụ thể như sau:

a) Dự án “Đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế công lập bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường”

Bộ Y tế đã xây dựng dự thảo Đề án “Đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế công lập bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường”. Tuy nhiên tại cuộc họp với các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ thuộc Bộ Y tế và đại diện Lãnh đạo Vụ Khoa giáo - Văn xã (Văn phòng Chính phủ) về việc rà soát các Đề án trong chương trình công tác năm 2013 và phê duyệt Danh mục Đề án trình Chính phủ đã thống nhất không đưa Đề án “Đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế công lập bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường” vào Chương trình công tác năm 2014 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng Đề án/dự án đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn nhằm đạt mục tiêu của Đề án 2038.

Bộ Y tế cũng đã chủ động xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ giao triển khai thực hiện Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện vay vốn ưu đãi của Ngân hàng Thế giới, với tổng kinh phí là 155 triệu USD. Dự án dành phần lớn kinh phí để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế, nước thải y tế cho khoảng 205 bệnh viện quy mô lớn (từ 200 giường bệnh trở lên) và một số bệnh viện trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg, trong đó có 121 bệnh viện được đầu tư công trình/hệ thống xử lý nước thải y tế, 141 bệnh viện được đầu tư công trình/hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại. Bên cạnh đó, Bộ Y tế cũng đã đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để đầu tư xây dựng mô hình xử lý chất thải y tế cho một số bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế. Đồng thời, Bộ Y tế đã huy động một số nguồn vốn khác như KfW, JICA, ADB, UNDP... và nguồn xã hội hóa khác để hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế.

b) Đề án “Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại”

Bộ Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, các Bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh, thành phố xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy

hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại đến năm 2025 tại theo Quyết định 170/QĐ-TTg ngày 08/02/2012. Đến nay đã có 55/63 tỉnh thành đã tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn, còn lại một số địa phương đang lập quy hoạch. Trong giai đoạn 2011-2020, có 04 đề án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng liên tỉnh và vùng lưu vực sông được phê duyệt bao gồm: Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Cầu đến năm 2020; Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đòng Nai đến năm 2030; Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - Đáy đến năm 2030; Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030. Ngoài ra, các quy hoạch quản lý chất thải rắn của từng địa phương khác cũng đang được thẩm định và phê duyệt.

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt quy hoạch quản lý chất thải rắn, các địa phương đã triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch như lập dự án đầu tư xây dựng, kêu gọi, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn bao gồm chất thải rắn y tế thông thường; đầu tư công trình/hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế từ Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện vay vốn ưu đãi của Ngân hàng Thế giới và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hiện tại theo thống kê báo cáo, có 38 tỉnh, thành phố đã phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh, trong đó một số tỉnh đã lồng ghép mô hình xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2016-2020¹, Bộ Xây dựng thực hiện 03 dự án xử lý chất thải rắn y tế nguy hại, cụ thể:

- Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải Bệnh viện Xây dựng (giai đoạn II): dự án được giao kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 300 triệu đồng.

- Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải - Bệnh viện Xây dựng Việt Trì: Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 5.093 triệu đồng.

c) Dự án “Tăng cường năng lực của các cơ quan chuyên môn của ngành Y tế về quan trắc môi trường và đánh giá tác động của môi trường tới sức khỏe”

Bộ Y tế đã tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng và nhu cầu về tăng cường năng lực của các cơ quan chuyên môn của ngành Y tế về quan trắc môi trường và đánh giá tác động của môi trường tới sức khỏe. Do không có nguồn kinh phí để triển khai dự án độc lập, Bộ Y tế đã lồng ghép triển khai nội dung này trong các chương trình, dự án đã và đang triển khai cụ thể:

- Dự án “Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện” vay vốn của Ngân hàng Thế giới: Hỗ trợ mua trang thiết bị quan trắc môi trường y tế cho 4 viện khu vực

¹ Công văn số 4493/BTC-HCSN ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

chuyên ngành gồm Viện Sức khỏe nghề nghiệp, Viện Y tế công cộng Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên; Tổ chức tập huấn cho tất cả các cán bộ làm công tác quan trắc môi trường y tế của 4 Viện khu vực chuyên ngành, 63 Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, thành phố, 7 Trung tâm Sức khỏe lao động và Vệ sinh môi trường tỉnh; Xây dựng sở tay hướng dẫn kỹ thuật quan trắc môi trường y tế để làm tài liệu đào tạo và cấp phát cho các đơn vị.

- Dự án Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng và một số dự án cũng hỗ trợ mua sắm một số trang thiết bị xét nghiệm cho các Trung tâm y tế dự phòng tỉnh trong đó có cả các thiết bị phục vụ quan trắc môi trường.

- Hàng năm, Bộ Y tế đều bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để thực hiện quan trắc, giám sát môi trường tại một số cơ sở y tế tuyến trung ương, tỉnh, huyện; Tổ chức các hội thảo/tập huấn chuyên đề về quan trắc môi trường y tế.

d) Đề án “Nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường ứng dụng và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải y tế tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội”

Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành nghiên cứu, rà soát các văn bản hiện hành, tổng hợp thông tin từ các Chương trình khoa học và công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang triển khai; Khảo sát thực trạng xử lý nước thải y tế tại một số cơ sở y tế. Qua đó, Bộ khoa học và Công nghệ báo cáo, xin phép và được Thủ tướng Chính phủ cho phép được lồng ghép các nội dung theo sự phân công thuộc Đề án 2038 vào các Chương trình đã và sẽ được phê duyệt nhằm hạn chế hình thành các chương trình mới có thể phát sinh kinh phí và bộ máy tổ chức trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay.

Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố 08 tiêu chuẩn quốc gia về môi trường. Nhận đơn đăng ký sáng chế, nhận bảo hộ tại Việt Nam cho 10 công nghệ xử lý chất thải y tế², bao gồm: 1) phương pháp xử lý nước thải y tế tự động bằng công nghệ plasma; 2) hệ thống thiết bị xử lý chất thải rắn độc hại và chất thải rắn y tế; 3) hệ thống xử lý rác thải dân dụng và y tế; 4) hệ thống xử lý khói thải từ lò đốt rác thải dân dụng và y tế; 5) phương pháp xử lý nước thải y tế bằng màng sinh học (MBR) kết hợp giá thể di động; 6) Lò đốt rác thải rắn y tế; 7) thiết bị xử lý nước thải y tế; 8) phương pháp xử lý nước thải y tế tự động bằng công nghệ plasma; 9) hệ thống lò đốt rác thải y tế ở các trạm y tế xã, phường; 10) hệ thống chống nhiễm khuẩn trong bệnh viện bằng xúc tác quan kết hợp với hoạt hóa điện hóa.

2.7. Kết quả kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án 2038

Hàng năm, Bộ Y tế đã tổ chức các đoàn kiểm tra công tác quản lý chất

² Công văn số 1327/BKHCN-CNN ngày 11/5/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Đề án 2038 giai đoạn 2011-2020

thải y tế, trong đó có lồng ghép nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án 2038. Trên cơ sở kết quả kiểm tra cho thấy các địa phương đã ban hành các văn bản chỉ đạo Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án 2038, hàng năm tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu cho UBND tỉnh đầu tư, xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế chưa có công trình, hệ thống xử lý chất thải y tế hoặc xử lý chất thải y tế chưa đạt theo quy định.

2.8. Kết quả xử lý chất thải y tế

Kết quả tổng hợp số liệu báo cáo của các tỉnh, thành phố và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế như sau:

a) Về xử lý nước thải y tế

- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến trung ương xử lý nước thải y tế đạt: 90%
- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến tỉnh xử lý nước thải y tế đạt: 94,2%
- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện xử lý nước thải y tế đạt: 94,6%
- Tỷ lệ bệnh viện tư nhân xử lý nước thải y tế đạt: 100%
- Tỷ lệ trạm y tế xã, phòng khám đa khoa khu vực xử lý nước thải y tế đạt: 50,76%

b) Về xử lý chất thải rắn y tế:

- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến trung ương xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đạt: 95%.
- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến tỉnh xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đạt: 99% đạt mục tiêu.
- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đạt: 98%
- Tỷ lệ trạm y tế xã, phòng khám đa khoa khu vực xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đạt: 62,4%.
- Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại các bệnh viện tư nhân đạt: 100%.

c) *Về quản lý khí thải:* Hầu hết quá trình hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, nghiên cứu khoa học, đào tạo không làm phát sinh khí thải y tế nguy hại. Một số ít các khoa, phòng xét nghiệm có phát sinh ít khí thải đều được thu gom và xử lý thông qua các tủ hút tại phòng xét nghiệm.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo)

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Một số văn bản chính sách chưa được ban hành, sửa đổi phù hợp như: chưa có quy định chi tiết về quản lý chất thải thông thường, chất thải tái chế; chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm đầu tư, bố trí kinh phí cho xử lý chất thải y tế của các địa phương; một số quy chuẩn kỹ thuật về môi trường chưa được sửa đổi phù hợp như QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế chỉ quy định áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, chưa

nước thải y tế chỉ quy định áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, chưa quy định đối với các loại hình cơ sở y tế khác và một số chỉ tiêu về ô nhiễm môi trường trong nước thải y tế chưa phù hợp với thực tế và các quy định liên quan; chưa có quy chuẩn kỹ thuật về chôn lấp chất thải y tế nguy hại và một số các quy chuẩn khác.

3.2. Về cơ chế tài chính: Các cơ sở y tế công lập hầu hết là đơn vị chưa tự chủ hoàn toàn về tài chính, do đó kinh phí chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm. Đối với nguồn thu của đơn vị cũng chưa có quy định cụ thể về chi cho đầu tư, xử lý chất thải y tế. Giá viện phí hiện nay chưa tính đúng, tính đủ các chi phí cho xử lý chất thải y tế. Các cơ sở y tế đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm nguồn vốn đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế và hạch toán chi phí cho xử lý chất thải y tế.

3.3. Kinh phí chi cho đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế còn thiếu trong khi nhu cầu đầu tư để xây dựng/cải tạo các hệ thống xử lý chất thải y tế là rất lớn; Bên cạnh đó, giá thành đầu tư, vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế còn cao, trong khi kinh phí để xử lý chất thải y tế của các đơn vị còn hạn hẹp.

3.4. Vấn đề lựa chọn công nghệ xử lý chất thải y tế thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở y tế gặp nhiều khó khăn

Hiện chưa có phương án xử lý chất thải rắn y tế tối ưu để xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế phù hợp nhất với điều kiện kinh tế, tập quán, văn hoá, xã hội của địa phương. Trên thế giới hiện đang áp dụng phổ biến công nghệ không đốt/công nghệ thân thiện với môi trường trong xử lý chất thải rắn y tế. Tại Việt Nam, phương pháp xử lý chất thải rắn y tế phổ biến hiện đang áp dụng tại các bệnh viện là công nghệ đốt, trong đó vẫn có lò đốt nhỏ. Ưu điểm của công nghệ này là xử lý triệt để tất cả chất thải lây nhiễm, chất thải giải phẫu... làm giảm đáng kể thể tích và khối lượng các loại chất thải. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Tổ chức Y tế thế giới, lò đốt nhỏ nếu không đạt tiêu chuẩn, không có điều kiện lắp đặt hệ thống xử lý khí thải hoặc xuống cấp sẽ có nguy cơ phát sinh khí thải độc hại (bao gồm cả dioxin/furan...). Tại Việt Nam, chưa thực hiện được việc đo nồng độ dioxin trong khí thải và phải gửi mẫu ra nước ngoài để đánh giá với chi phí rất cao.

Công nghệ không đốt không làm phát sinh dioxin hoặc furan nhưng không phù hợp để xử lý chất thải giải phẫu, chất thải hóa học và dược phẩm và không làm giảm tối đa thể tích chất thải, giá thành đầu tư khá cao.

3.5. Các cấp chính quyền tại các địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch/Đề án quản lý chất thải y tế của địa phương để thực hiện Đề án 2038; Một số địa phương chưa thực hiện báo cáo kết quả triển khai Đề án đầy đủ và kịp thời, dẫn đến khó khăn trong việc hoạch định chính sách và đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả để đạt mục tiêu của Đề án; Lãnh đạo cơ sở y tế chưa thực sự coi trọng công tác quản lý chất thải y tế của đơn vị.

IV. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC CƠ SỞ Y TẾ GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

1. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường y tế cho phù hợp với Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và tình hình thực tế của các cơ sở y tế.

2. Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải y tế thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở y tế.

3. Xây dựng kế hoạch, giải pháp bảo vệ môi trường ngành y tế giai đoạn đến 2025 và định hướng đến 2030.

4. Các địa phương xây dựng kế hoạch bảo đảm kinh phí xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế không có nguồn thu hoặc có nguồn thu thấp để chi trả chi phí xử lý nước thải y tế và ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế có quy mô nhỏ, không thực hiện được việc thuê xử lý chất thải y tế. Thực hiện lồng ghép việc triển khai các nhiệm vụ quản lý chất thải y tế vào các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế và tại các cơ sở xử lý chất thải y tế bên ngoài cơ sở y tế.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Trong thời gian vừa qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến các địa phương, việc triển khai thực hiện Đề án 2038 đã đạt được những kết quả tích cực. Nhận thức và ý thức trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong các cơ sở y tế đã có thay đổi rất tích cực, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt yêu cầu về môi trường đã tăng dần theo các năm.

Tuy nhiên, do áp lực của phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu chăm sóc sức khỏe và tình hình dịch bệnh ngày càng gia tăng dẫn đến gia tăng lượng chất thải y tế cần xử lý, tạo gánh nặng cho các cơ sở y tế và làm tăng kinh phí ngân sách nhà nước. Việc xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế vùng sâu, vùng xa, cơ sở y tế tại các huyện biển đảo, cơ sở y tế quy mô nhỏ phát sinh ít chất thải còn gặp khó khăn do nhiều địa phương chưa phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh và quan tâm chỉ đạo thực hiện; nhiều cơ sở y tế công lập chưa được bố trí đủ kinh phí để thực hiện công tác quản lý chất thải y tế và xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế. Tỷ lệ cơ sở y tế xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường còn chưa cao do thiếu kinh phí đầu tư mới/nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và thiếu nhân lực có chuyên môn phù hợp để quản lý, vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế.

5.2. Kiến nghị

Để phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn vừa qua và tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải, bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế trong thời gian tới, Bộ Y tế xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo một số nội dung sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện, ban hành văn bản chính sách, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan tới xử lý chất thải y tế (như QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm và ban hành mới Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vi sóng xử lý chất thải y tế lây nhiễm.

- Hướng dẫn quy trình kỹ thuật, công nghệ xử lý các loại chất thải y tế phù hợp với các loại hình cơ sở y tế, đặc thù của chất thải y tế và điều kiện thực tế của địa phương.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc vận chuyển, xử lý chất thải y tế.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện địa phương và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay; Xây dựng kế hoạch, giải pháp bảo vệ môi trường ngành y tế giai đoạn đến 2025 và định hướng đến 2030 của tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện.

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh cùng cấp bố trí kinh phí để thực hiện xử lý chất thải y tế theo quy định, trong đó ưu tiên cho các cơ sở y tế không có nguồn thu hoặc có nguồn thu thấp, cơ sở y tế quy mô nhỏ không thực hiện được việc thuê xử lý chất thải y tế.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất thải y tế trong cơ sở y tế và việc vận chuyển, xử lý chất thải y tế bên ngoài cơ sở y tế trên địa bàn.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và xin ý kiến chỉ đạo để thực hiện./. *Huy* *Salu*

Nơi nhận:

- PTTg Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- BT. Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, TNMT, KHCN, BNV, XD;
- UBND, Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, MT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

lely

Nguyễn Trường Sơn

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VỀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI THEO MỤC TIÊU ĐỀ ÁN
TỔNG THỂ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ ĐẾN NĂM 2020

(kèm theo Báo cáo số /BC-BYT ngày tháng năm 2022 của Bộ Y tế)

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý nước thải y tế bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
I	ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG					
1	Hà Nội	100%	100%	100%	100%	100%
2	Vĩnh Phúc	100%	89%	100%		100%
3	Bắc Ninh	100%	85,7%	100%		100%
4	Hải Dương	100%	100%	100%		
5	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%	100%
6	Hung Yên	(*)				
7	Thái Bình	91%	100%	(****)		100%
8	Hà Nam	100%	100%	(****)		100%

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý nước thải y tế bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
9	Nam Định	100%	100%	100%	(****)	100%
10	Ninh Bình	77,7%	100%		80%	90%
II	ĐÔNG BẮC BỘ					
11	Hà Giang	83,3%	91%	100%	100%	100%
12	Cao Bằng	100%	100%		100%	100%
13	Bắc Kạn	100%	87,5%		100%	100%
14	Tuyên Quang	(*)				
15	Lào Cai	100%	100%	(***)		
16	Yên Bái	100%	89%	100%	(***)	
17	Thái Nguyên	100%	100%	(****)		0%
18	Lạng Sơn	85,7%	100%	(***)		
19	Quảng Ninh	100%		100%	(****)	100%

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý nước thải y tế bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
20	Bắc Giang	100%	100%	(***)		
21	Phú Thọ	100%	100%	100%	100%	100%
III	TÂY BẮC BỘ					
22	Điện Biên	100%	100%	(****)		100%
23	Lai Châu	100%	100%	(****)		100%
24	Sơn La	100%	100%	100%	(***)	
25	Hòa Bình	100%	100%	100%	100%	95,4%
IV	BẮC TRUNG BỘ					
26	Thanh Hóa	100%	100%	100%	100%	
27	Nghệ An	94,1%	89,3%	100%	(****)	100%
28	Hà Tĩnh	100%	100%	100%	100%	100%
29	Quảng Bình	67%	100%		100%	100%

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý nước thải y tế bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
30	Quảng Trị	100%	93%	(****)		100%
31	Thừa Thiên Huế	66,7%	88,9%	100%	(***)	
V	NAM TRUNG BỘ					
32	Đà Nẵng	92,3%	100%	100%	100%	100%
33	Quảng Nam	66,7%	89%	100%	(***)	
34	Quảng Ngãi	70%	69%	(***)		
35	Bình Định	100%	100%	100%	100%	100%
36	Phú Yên	100%	100%		100%	100%
37	Khánh Hòa	100	100%	100%	100%	100%
38	Ninh Thuận	57,1%	100%	(***)		
39	Bình Thuận	100%	70%	100%	(***)	
VI	TÂY NGUYÊN					

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý nước thải y tế bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
40	Kon Tum	67%	90%	100%		(**)
41	Gia Lai	100%	88%	100%		100%
42	Đắk Lắk	100%	87%	100%	(***)	
43	Đắk Nông	100%	100%	(****)		72%
44	Lâm Đồng	100%	92%	100%	100%	51%
VII	ĐÔNG NAM BỘ					
45	Bình Phước	100%	90,1%	(***)		
46	Tây Ninh	100%	89%	(****)		100%
47	Bình Dương	100%	100%	100%	(***)	
48	Đồng Nai	100%	100%	(****)		100%
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	100%	100%	100%	100%	100%
50	Hồ Chí Minh	90,2%	84,4%	98,7%	100%	86,8%

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý nước thải y tế bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
VIII	TÂY NAM BỘ					
51	Long An	87,5%	93,3%	100%	100%	1,6%
52	Tiền Giang	100%	100%	100%	(****)	100%
53	Bến Tre	100%	100%	(***)		
54	Trà Vinh	100%	100%	(***)		
55	Vĩnh Long	100%	100%	100%	100%	100%
56	Đồng Tháp	100%	100%	100%	(****)	1,4%
57	An Giang	100%	100%	100%	(****)	56%
58	Kiên Giang	25%	100%	(****)		
59	Cần Thơ	100%	100%	100%	(****)	100%
60	Hậu Giang	100%	100%	100%		93,3%
61	Sóc Trăng	(*)				

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý nước thải y tế bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
62	Bạc Liêu	50%	100%	100%	100%	87,6%
63	Cà Mau	80%	64,3%	(***)		
Tổng hợp		94,2% Không đạt	94,6% Không đạt	100% Đạt		50,7% Không đạt

Ghi chú:

Số liệu về tỷ lệ cơ sở y tế xử lý đạt tính đến hết năm 2020.

- (*): tỉnh chưa cung cấp thông tin về kết quả thực hiện Đề án 2038.
- (**): tỉnh chưa cung cấp số liệu tại trạm y tế xã
- (***) : tỉnh chưa cung cấp số liệu tại cơ sở y tế tư nhân/phòng khám tư nhân và trạm y tế xã
- (****): tỉnh chưa cung cấp số liệu tại cơ sở y tế tư nhân/phòng khám tư nhân.

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ NGUY HẠI
THEO MỤC TIÊU ĐỀ ÁN TỔNG THỂ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ ĐẾN NĂM 2020
(kèm theo Báo cáo số /BC-BYT ngày tháng năm 2022 của Bộ Y tế)

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
I	ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG					
1	Hà Nội	100%	100%	100%	100%	100%
2	Vĩnh Phúc	100%	89%	100%	334	100%
3	Bắc Ninh	100%	93,3%	100%		100%
4	Hải Dương	100%	100%	100%	100%	100%
5	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%	100%
6	Hung Yên	(*)				
7	Thái Bình	91%	100%	(***)		

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
8	Hà Nam	100%	100%	(****)		100%
9	Nam Định	100%	100%	100%	(****)	100%
10	Ninh Bình	100%	100%		80%	100%
II	ĐÔNG BẮC BỘ					
11	Hà Giang	100%	100%	100%	100%	100%
12	Cao Bằng	100%	100%		100%	100%
13	Bắc Kạn	100%	87,5%		100%	100%
14	Tuyên Quang	(*)				
15	Lào Cai	100%	100%			100%
16	Yên Bái	100%	89%	100%	(***)	
17	Thái Nguyên	100%	100%	(****)		100%
18	Lạng Sơn	100%	100%	(***)		

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
19	Quảng Ninh	100%	14	100%	(****)	100%
20	Bắc Giang	100%	100%	(***)		
21	Phú Thọ	100%	100%		100%	100%
III	TÂY BẮC BỘ					
22	Điện Biên	100%	100%		100%	100%
23	Lai Châu	100%	100%	(****)		100%
24	Sơn La	100%	100%	100%	(***)	
25	Hòa Bình	100%	100%	100%	100%	95,4%
IV	BẮC TRUNG BỘ					
26	Thanh Hóa	100%	100%	100%	100%	100%
27	Nghệ An	100%	100%	100%	0	100%
28	Hà Tĩnh	100%	100%	100%	100%	100%

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
29	Quảng Bình	100%	100%		100%	100%
30	Quảng Trị	100%	93%			
31	Thừa Thiên Huế	100%	100%	100%	(****)	100%
V	NAM TRUNG BỘ					
32	Đà Nẵng	100%	100%	100%	100%	100%
33	Quảng Nam	100%	100%	100%	(***)	
34	Quảng Ngãi	100%	77%	(***)		
35	Bình Định	100%	100%	100%	100%	100%
36	Phú Yên	100%	100%		100%	100%
37	Khánh Hòa	100%	100%	100%	100%	100%
38	Ninh Thuận	100%	100%	(***)		
39	Bình Thuận	100%	100%	100%	(***)	

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
VI	TÂY NGUYÊN					
40	Kon Tum	100%	100%	(***)		
41	Gia Lai	100%	100%	100%		100%
42	Đắk Lắk	100%	100%	100%	(***)	
43	Đắk Nông	100%	100%	(****)		0%
44	Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%	100%
VII	ĐÔNG NAM BỘ					
45	Bình Phước	100%	100%	(****)		100%
46	Tây Ninh	100%	100%	(***)		
47	Bình Dương	100%	100%	(***)		
48	Đồng Nai	100%	100%	(***)		
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	100%	100%	100%	100%	100%

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
50	Hồ Chí Minh	100%	100%	100%	100%	100%
VIII	TÂY NAM BỘ					
51	Long An	87,5%	100%	100%	100%	100%
52	Tiền Giang	100%	100%	100%	(****)	100%
53	Bến Tre	100%	100%	100%	(****)	93,6%
54	Trà Vinh	100%	100%	(****)		100%
55	Vĩnh Long	100%	100%	100%	100%	100%
56	Đồng Tháp	100%	100%	100%	100%	100%
57	An Giang	100%	100%	100%	(****)	100%
58	Kiên Giang	50%	100%	(***)		
59	Cần Thơ	100%	100%	100%	(****)	100%
60	Hậu Giang	100%	100%	100%	(****)	100%

TT	TỈNH, TP	Kết quả xử lý chất thải rắn y tế nguy hại bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đến năm 2020 (Tỷ lệ xử lý đạt theo Quyết định 2038/QĐ-TTg tại các tuyến là 100%)				
		Cơ sở y tế tuyến tỉnh	Cơ sở y tế tuyến huyện	Cơ sở y tế tư nhân		Trạm y tế xã, PKĐKKV
				Bệnh viện	Phòng khám tư nhân	
61	Sóc Trăng	(*)				
62	Bạc Liêu	100%	100%	100%	100%	100%
63	Cà Mau	100%	100%	(***)		
Tổng hợp		99% Không đạt	98% Không đạt	100% Đạt		62,4% Không đạt

Ghi chú:

Số liệu về tỷ lệ cơ sở y tế xử lý đạt tính đến hết năm 2020.

- (*): tỉnh chưa cung cấp thông tin về kết quả thực hiện Đề án 2038.
- (**): tỉnh chưa cung cấp số liệu tại trạm y tế xã
- (***) : tỉnh chưa cung cấp số liệu tại cơ sở y tế tư nhân/phòng khám tư nhân và trạm y tế xã
- (****): tỉnh chưa cung cấp số liệu tại cơ sở y tế tư nhân/phòng khám tư nhân.